

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7.
TỈNH QN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HS-ST
Ngày 08 - 8 - 2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – QN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Sương và bà Nguyễn Thị Hiệp.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Thương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Qn.
- **Đại diện Viện kiểm sát** nhân dân khu vực 7 – Qn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy An – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Qn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2025/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Trần Ng C T, sinh ngày 23 tháng 10 năm 1994 tại Qn (Cũ: tỉnh Kt); Căn cước công dân số: 062094002941.

Nơi đăng ký HKTT: 191 Hai Bà Trưng, phường Kt, tỉnh Qn (Cũ: phường Qt, thành phố Kt, tỉnh Kt). Nơi ở khi bị bắt: 43/3 Nguyễn Văn Trỗi, phường Kt, tỉnh Qn.

Nghề nghiệp: Không; học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần H T, sinh năm 1969 và bà Nguyễn TG, sinh năm 1974; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con đầu; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2024 đến nay, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị Hc, trú tại: Số 37 Nguyễn Văn Trỗi, phường Kt, tỉnh Qn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút trưa ngày 30/12/2024, tại nhà thuê của bị cáo Trần Ng C T (nhà thuê của chị Nguyễn Thị Hc) địa chỉ 43/3 Nguyễn Văn Trỗi, phường Kt, tỉnh Qn (Cũ: phường T Nh, thành phố Kt- Kt), Công an phường T Nh, thành phố Kt (Nay là Công an tỉnh Qn) tiến hành kiểm tra hành chính, phát hiện và lập biên bản thu giữ các đồ vật, tài sản do bị cáo T tự nguyện giao nộp, gồm:

- 07 gói giấy màu hồng bên trong chứa chất bột màu trắng, mỗi gói được bỏ trong một bì ni lông viền màu đỏ;
- 01 bì ni lông bên trong chứa chất tinh thể rắn màu trắng;
- 02 gói giấy màu trắng chứa chất cục bột màu trắng, mỗi gói được bỏ trong một bì ni lông;
- 02 bì ni lông màu đỏ bên trong mỗi bì chứa chất cục bột màu trắng;
- 01 điện thoại di động iphone 13 màu trắng;
- 01 điện thoại di động iphone 15 màu đen;
- 01 kéo bằng kim loại tay cầm màu đen;
- 01 cân tiểu ly màu đen;
- 08 bì ni lông viền màu đỏ;
- Số tiền: 8.100.000 đồng (tiền VNĐ).

Bị cáo T khai nhận: 01 bì ni lông buộc dây thun màu xanh bên trong chứa chất tinh thể rắn màu trắng là ma túy đá, và 11 gói bột màu trắng là ma túy Heroin bị thu giữ nêu trên là của bị cáo mua của người tên Công, không rõ nhân thân lai lịch, với số tiền 9.000.000 đồng, mua vào khoảng giữa tháng 12/2024, không nhớ ngày, mục đích mua để bán kiếm lời và sử dụng. Sau khi mua ma túy, bị cáo phân ma túy Heroin thành 11 gói, trong đó số ma túy trong 02 gói giấy màu trắng và 02 bì ni lông màu đỏ bị cáo cất giấu để sử dụng; số ma túy trong 07 gói giấy màu hồng bị cáo cất giấu để bán kiếm lời. Ma túy đá trong 01 bì ni lông buộc dây thun màu xanh, bị cáo cất giấu mục đích bán kiếm lời. Bị cáo đã bán 02 lần 02 gói ma túy Heroin cho một người tên Lập, không rõ nhân thân lai lịch, không nhớ thời gian bán, được 600.000 đồng (300.000 đồng/ 1 gói) bị cáo đã tiêu xài hết số tiền của 02 lần bán ma túy này.

01 kéo bằng kim loại, 01 cân tiểu ly và 08 bì ni lông có viền màu đỏ là dụng cụ bị cáo dùng phân chia ma túy.

02 điện thoại di động iphone và số tiền 8.100.000 đồng là của bị cáo không dùng vào việc mua bán ma túy.

Kết luận giám định đối với các chất tinh thể rắn màu trắng và chất bột màu trắng thu của bị cáo trong 12 gói và bì ni lông nêu trên, như sau:

+ Chất tinh thể rắn màu trắng trong **01** bì ni lông buộc dây thun màu xanh là ma túy Methamphetamine khối lượng: **7,504** gam (sau giám định còn 7,497 gam);

+ Chất bột màu trắng trong **07** gói giấy màu hồng là ma túy Heroine khối lượng: **2,046** gam (sau giám định còn 2,017gam);

+ Chất bột màu trắng trong **02** gói giấy màu trắng và trong **02** bì ni lông màu đỏ là ma túy Heroine khối lượng: **0,89** gam (0,578 gam + 0,312 gam), sau giám định còn 0,873 gam.

Tại Cáo trạng số: 75/CT-VKSTPKT ngày 27 tháng 5 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kt (Nay là: VKSND khu vực 7 – Qn) truy tố bị cáo T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b, p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự 2015 (BLHS) và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm b, p khoản 2 Điều 251; điểm s

khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 55 BLHS. Xử phạt bị cáo T : Từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; từ 22 tháng đến 26 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Buộc bị cáo chịu hành phạt chung của 02 tội. Đề nghị xử lý vật chứng; buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm và nộp lại số tiền 600.000 đồng thu lợi bất chính từ việc bán ma túy mà có, để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Lời nói sau cùng: Bị cáo nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

- Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- *Về xác định tư cách tham gia tố tụng của bà Nguyễn TG:* Bà Gái đã tặng cho bị cáo số tiền 8.100.000 đồng, nên số tiền này thuộc quyền sở hữu của bị cáo, không liên quan đến bà Gái. HĐXX xác định bà Gái không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Về nội dung:

[1] Xét hành vi bị truy tố:

1.1. Xét hành vi cất giấu ma túy nhằm mục đích sử dụng và bán kiếm lời:

Xét thấy, lời khai nhận của bị cáo Trần Ng C T tại phiên tòa về nội dung bị cáo mua ma túy cất giấu nhằm mục đích sử dụng và bán kiếm lời, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với các vật chứng mà bị cáo tự nguyện giao nộp và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Có cơ sở khẳng định, vào khoảng 10 giờ 30 phút trưa ngày 30/12/2024 tại nhà thuê của bị cáo, địa chỉ 43/3 Nguyễn Văn Trỗi, phường Kt, tỉnh Qn (Cũ: phường T Nh, thành phố Kt- Kt), bị cáo đã thực hiện hành vi cất giấu trái phép cất giấu trái phép **7,504** gam ma túy Methamphetamine và **2,046** gam ma túy Heroine, tổng khối lượng của 02 loại ma túy này là 9,55 gam, nhằm mục đích bán kiếm lời; và cất giấu trái phép **0,89** gam ma túy Heroine mục đích sử dụng.

Hành vi cất giấu trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng và bán trái phép nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS và tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm p khoản 2 Điều 251 BLHS. Do đó Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ đúng luật.

1.2. *Xét hành vi 02 lần bán 02 gói ma túy*: Bị cáo khai nhận đã 02 lần bán 02 gói ma túy cho một người tên Lập, không rõ nhân thân lai lịch, với giá 300.000 đồng/1 gói, không nhớ thời gian bán. Cơ quan CSĐT đã điều tra xác minh nhưng không xác định được. Như vậy, ngoài lời khai của bị cáo thì không có tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh, nên không có cơ sở xác định bị cáo đã 02 lần bán 02 gói ma túy như lời khai của bị cáo. Do đó bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS; và không có cơ sở buộc bị cáo nộp lại khoản tiền mà bị cáo khai nhận do 02 lần bán ma túy này.

[2] *Xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo:*

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, vi phạm Luật phòng chống ma túy, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm an toàn công cộng và trật tự công cộng, là nguyên nhân gây ra các tệ nạn và tội phạm. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp; biết hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện.

[3] *Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:*

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng. Bị cáo thành khẩn khai báo, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo có nhân thân không tốt, đã bị xử phạt hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và sử dụng trái phép chất ma túy.

[4] *Hình phạt:* Sau khi xem xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội; xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo; xét thực trạng tội phạm về ma túy tại địa phương hiện nay. Cần xử phạt nghiêm minh, cách ly bị cáo với đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Bị cáo bị kết án về 02 tội, nên bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội theo quy định Điều 55 BLHS.

[5] *Hình phạt bổ sung:* Bị cáo không nghề nghiệp, không có tài sản, không có điều kiện chấp hành hình phạt bổ sung, nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] *Xử lý vật chứng:* - 7,497 gam ma túy Methamphetamine và 2,89 gam (2,017gam + 0,873 gam) ma túy Heroine (*số ma túy còn lại sau giám định*); 01 kéo bằng kim loại, 01 cân tiểu ly và 08 bì ni lông có viên màu đỏ. Tất cả các vật chứng này là chất cấm tàng trữ, cấm lưu hành, là công cụ phạm tội, là vật không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy theo quy định khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

- 02 điện thoại di động iphone và số tiền 8.100.000 đồng là tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, nên trả lại cho bị cáo theo quy định Điều 106 BLTTHS.

[7] *Các vấn đề khác:*

- Bị cáo khai mua ma túy của đối tượng tên Công. Cơ quan CSĐT đã tiến hành điều tra xác minh, nhưng chưa xác định được nhân thân lai lịch, khi nào xác minh được sẽ xử lý sau.

- Bà Chuyên chủ nhà cho thuê không biết bị cáo tàng trữ ma túy tại nhà mình nên bà không có lỗi.
 - *Về án phí*: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.
- Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Ng C T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **Trần Ng C T**:

- **09** (chín) năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”;
- **18** (Mười tám) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là: **10 (Mười) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày **30/12/2024**).

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015. Vật chứng được xử lý như sau:

3.1. Tịch thu tiêu hủy đối với:

- **2,017 gam** (*Hai phẩy không một bảy gam*) ma túy Heroine được niêm phong trong phong bì ký hiệu “MT1”; **0,570 gam** (*Không phẩy năm bảy không gam*) ma túy Heroine được niêm phong trong phong bì ký hiệu “MT2”; **0,303 gam** (*Không phẩy ba không ba gam*) ma túy Heroine được niêm phong trong phong bì ký hiệu “MT3”; **7,497 gam** (*Bảy phẩy bốn chín bảy gam*) ma túy loại Methamphetamine được niêm phong trong phong bì ký hiệu “MT4” (*Số ma túy còn lại sau khi giám định*); **09** (chín) bì ni lông có viên màu đỏ; **03** (ba) bì ni lông; **03** (ba) dây thun màu xanh; **02** (hai) mảnh giấy màu trắng; **07** (bảy) mảnh giấy màu hồng; **04** (bốn) phong bì đựng mẫu vật gửi giám định. Mẫu vật còn lại được đựng trong **04** (bốn) bì ni lông. Tất cả được niêm phong trong **01** (*một*) phong bì mặt trước có in nội dung “**CÔNG AN TỈNH KT PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ SỐ: 532/KL- KTHS**”; mặt sau có các hình dấu tròn có nội dung “***PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ *CÔNG AN TỈNH KT**” và có các chữ ký ghi tên của những người tham gia niêm phong tại mép dán.

- **01** (một) kéo bằng kim loại, có tay cầm màu đen; **01** (một) cân tiểu ly màu đen, đã qua sử dụng; **08** (tám) bì ni lông dán kín có viên màu đỏ.

3.2. Trả lại cho bị cáo Trần Ng C T:

- **01** (*một*) điện thoại di động dạng cảm ứng, loại iphone 15 Promax, màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy được niêm phong trong phong bì dán kín, có chữ ký của những người liên quan và các dấu hình tròn của Công an phường T Nh, thành phố Kt, tỉnh Kt. Ký hiệu “**ĐT T**”;

- **01 (một)** điện thoại di động dạng cảm ứng, loại iphone 13 mini, màu trắng, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy được niêm phong trong phong bì dán kín, có chữ ký của những người liên quan và các dấu hình tròn của Công an phường T Nh, thành phố Kt, tỉnh Kt. Ký hiệu “ĐT T 2”.

Các vật chứng nêu trên (tại tiểu các mục 3.1 và 3.2) đều có đặc điểm như trong Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16/6/2025, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kt (nay là: Công an tỉnh Qn) và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kt, tỉnh Kt (nay là: Thi hành án dân sự tỉnh Qn).

- **Hoàn trả lại** cho bị cáo Trần Ng C T số tiền: **8.100.000** (*Tám triệu, một trăm nghìn*) đồng, số tiền này đã được nộp vào tài khoản số 3949.0.1047677.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kt (nay là: Thi hành án dân sự tỉnh Qn) tại Phòng Giao dịch số 9 – Kho bạc Nhà nước khu vực XIV, theo Ủy nhiệm chi ngày 16/6/2025.

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Ng C T phải chịu **200.000** (*Hai trăm nghìn*) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/8/2025). Người liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Qn;
- VKSND tỉnh Qn;
- Cq CSĐT Công an tỉnh Qn;
- THADS tỉnh Qn;
- VKSND khu vực 7-Qn;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Bị cáo; người liên quan;
- L- u HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Hoài

